

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG 3T HOME**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG 3T HOME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110903325

**3. Ngày thành lập:** 29/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu B1.1 – LK16 Lô 2 Khu đô thị Thanh Hà B-Cienco5, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976973994

Fax:

Email: [Phamtiencd89@gmail.com](mailto:Phamtiencd89@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101(Chính) |
| 2.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                          | 0810        |
| 3.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621        |
| 4.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629        |
| 6.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                 | 1812        |
| 7.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                | 1820        |
| 8.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                 | 2011        |
| 9.  | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh                                              | 2310        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                               | 2391        |
| 11. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                       | 2394        |
| 12. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                            | 2396        |
| 13. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                           | 2511        |
| 14. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                               | 2610        |
| 15. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                           | 2630        |
| 16. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                            | 3100        |
| 17. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                     | 3290        |
| 18. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                               | 3312        |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                  | 3320        |
| 20. | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102        |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt                                                            | 4211        |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ                                                             | 4212        |

|     |                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                  | 4221 |
| 24. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                       | 4222 |
| 25. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                        | 4223 |
| 26. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                         | 4229 |
| 27. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                  | 4291 |
| 28. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                           | 4292 |
| 29. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                     | 4293 |
| 30. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                | 4299 |
| 31. | Phá dỡ<br>Trừ hoạt động nổ bom, mìn                                                                                                                                                                                       | 4311 |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Trừ hoạt động nổ bom, mìn                                                                                                                                                                            | 4312 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                     | 4321 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                     | 4322 |
| 35. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                            | 4329 |
| 36. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 37. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                       | 4390 |
| 38. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hoá<br>- Môi giới mua bán hàng hoá (Trừ đấu giá)                                                                                                     | 4610 |
| 39. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Trừ bán buôn dược phẩm                                                                                                                                                              | 4649 |
| 40. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Loại trừ: Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị                                                                               | 4651 |
| 41. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 42. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                           | 4659 |
| 43. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                   | 4663 |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                      | 4752 |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                   | 4759 |
| 46. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                       | 4784 |
| 47. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản; tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản (trừ đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất) | 6820 |
| 48. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                       | 7110 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 49. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                        | 7410 |
| 50. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                  | 7730 |
| 51. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Theo Điều 28 Luật thương mại số 36/2005/QH1)<br>- Đại diện thương nhân;<br>- Ủy thác mua bán hàng hoá;<br>- Nhượng quyền thương mại. | 8299 |

6. **Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 680.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | VŨ HUNG<br>THÁI | Thôn Ngói, Xã<br>Đại An, Huyện<br>Vụ Bản, Tỉnh<br>Nam Định, Việt<br>Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 136.000       | 1.360.000.000            | 20,000       | 0360860133<br>22                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Tổng số                            | 136.000       | 1.360.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | NGUYỄN VĂN TOÀN | Tổ 27, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 136.000 | 1.360.000.000 | 20,000 | 038087026538 |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Tổng số                   | 136.000 | 1.360.000.000 | 20,000 |              |
|   |                 |                                                                               |                           |         |               |        |              |
| 3 | PHẠM VĂN TIẾN   | TDP Minh Phương, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 408.000 | 4.080.000.000 | 60,000 | 024089018069 |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Tổng số                   | 408.000 | 4.080.000.000 | 60,000 |              |
|   |                 |                                                                               |                           |         |               |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024089018069

Ngày cấp: 28/10/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Minh Phương, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP Minh Phương, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội